

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - TH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 04 - 2026
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Phạm Đức Hoàn

Bà: Quách Thị Lê

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quý Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân, khu vực 10 - TH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - TH tham gia phiên tòa:
Ông: Lê Văn Tân - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 04 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân, Khu vực 10 - TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 188/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 16 tháng 03 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2026/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 03 năm 2025, giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị D, sinh năm 1982.

Số CCCD: 038182018366.

Nơi cư trú: Thôn TT, xã TL, tỉnh TH.

- Bị đơn: Anh Vi Văn M, sinh năm 1984.

Số CCCD: 038084028832.

Nơi cư trú: Thôn TT, xã TL, tỉnh TH

Tại phiên tòa vắng mặt chị D và anh M, chị Lò Thị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Vi Văn M vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lò Thị D trình bày: Chị và anh Vi Văn M tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết

hôn ngày 24/01/2003 tại UBND xã XT, huyện TX (nay là xã TL), tỉnh TH. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc được khoảng 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến hay xảy ra cãi vã, cuộc sống không còn tiếng nói chung, khi mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, từ đầu tháng 6 năm 2019 cho đến nay chị và anh M sống ly thân nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vi Văn M.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Vi Văn M có 02 con chung là Vi Thiên P; sinh ngày 09/03/2004 và Vi Thị L; sinh ngày 25/04/2011. Cháu P hiện tại đã đến tuổi trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với Cháu L hiện nay đang ở cùng với anh M và ông bà nội. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung cháu Vi Thị L cho anh Vi Văn M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Vi Văn M trình bày: Anh và chị Lò Thị D tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã XT, huyện TX (nay là xã TL), tỉnh TH. Khi vợ chồng ở cùng nhau cũng có nhiều mâu thuẫn, tuy nhiên anh xét thấy vẫn còn tình cảm, hơn nữa mâu thuẫn không đủ lớn để chị D làm đơn xin ly hôn, nay chị D làm đơn xin ly hôn với anh thì anh không đồng ý ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh và chị Lò Thị D có 02 con chung là Vi Thiên P; sinh ngày 09/03/2004 và Vi Thị L; sinh ngày 25/04/2011. Cháu P hiện tại đã đến tuổi trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn anh đề nghị giao con chung cháu Vi Thị L cho anh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên, anh không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh Vi Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - TH phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Vi Văn M thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, 35 khoản 4 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị Quyết số: 01/2024/ NQHĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử cho chị Lò Thị D được ly hôn với anh Vi Văn M, vợ chồng có 02 con chung Vi Thiên P; sinh ngày 09/03/2004 và Vi Thị L; sinh ngày 25/04/2011. Cháu P hiện tại đã đến tuổi trưởng thành nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết. Đối với cháu Vi Thị L đề nghị chấp nhận yêu cầu của các đương và theo nguyện vọng con, giao cháu Vi Thị L cho anh M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Chị Lò Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị D được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở. Chị D phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Lò Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Vi Văn M. Theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - TH.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh Vi Văn M không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh M theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Anh Vi Văn M đã được triệu tập đến phiên hoà giải nhưng anh M không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

Toà án cũng đã triệu tập họp lệ anh Vi Văn M lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng anh M vẫn không có mặt mà không có lý do. Chị Lò Thị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định vào các Điều 227, Điều 228 BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt chị Lò Thị D và anh Vi Văn M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị D và anh Vi Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 24/01/2003 tại UBND xã XT, huyện TX (nay là xã TL), tỉnh TH nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống nên hay xảy ra cãi vã dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Anh M cho rằng trong cuộc sống hôn nhân không có mâu thuẫn gì, mâu thuẫn không đủ lớn để chị D phải làm đơn xin ly hôn anh cho nên anh không đồng ý ly hôn, tuy nhiên anh M cũng thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn điều này cũng phù hợp với nội dung Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân mà Tòa án đã tiến hành thu thập. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh M lên làm việc để anh M được bày tỏ quan điểm, ý kiến và nguyện vọng của mình nhưng anh M đều không có mặt, thể hiện anh M có ý bỏ mặc, không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng, thời gian vợ chồng sống ly thân nhau cũng kéo dài (từ năm 2019) như vậy hôn nhân trên thực tế không còn tồn tại. Đến thời điểm hiện tại chị D vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị D và anh M đã lâm vào tình trạng bế tắc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Lò Thị D được ly hôn với anh Vi Văn M.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị D và anh Vi Văn M có 02 con chung Vi Thiên P; sinh ngày 09/03/2004 và Vi Thị L; sinh ngày 25/04/2011. Hiện tại Cháu P đã đến tuổi trưởng thành nên Tòa án không xét giải quyết. Đối với Cháu L khi ly hôn cả chị D và anh M đề thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Vi Thị L cho anh M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến tuổi thành niên. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển bình thường về mọi mặt của con, cũng theo nguyện vọng của con, HĐXX chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự, giao cháu Vi Thị L cho anh M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến tuổi thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền được đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình và Nghị Quyết số: 01/2024/ NQHĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án chị D và anh M đều thống nhất khi ly hôn giao con chung cháu Vi Thị L cho anh M được trực tiếp nuôi dưỡng, anh M không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu của chị D và anh M là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chia tài sản chung: Chị Lò Thị D và anh Vi Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Buộc chị Lò Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 28, 35, 39; 147;227; 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tổ tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản, Luật Hòa giải đối thoại.

Căn cứ: Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Nghị Quyết số: 01/2024/ NQHĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao

Căn cứ: Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị D được ly hôn với anh Vi Văn M.

2. Về con chung: Giao cháu Vi Thị L; sinh ngày 25/04/2011 cho anh Vi Văn M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Chị Lò Thị D được quyền được đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Lò Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: 0004007 ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh TH, chị Lò Thị D đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị D và anh M. Chị Lò Thị D và anh Vi Văn M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TH;
- VKSND khu vực 10- TH;
- THADS tỉnh TH;
- Các đương sự;
- UBND xã MS, tỉnh TH;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Xuân Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Quách Thị Lê

Phạm Đức Hoàn

Phạm Xuân Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Triệu Kim Bình

Phạm Thị Diệu

Phạm Xuân Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Trung Thành

Phạm Đức Hoàn

Phạm Xuân Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Trung Thành

Hà Thị Hòa

Phạm Xuân Thành

